

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 56/2021/DS-ST

Ngày: 23/06/2021.

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Ngọc Cận.

- Ông Phan Văn Tạo.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2021/TLST-DS ngày 04/01/2021 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Địa chỉ trụ sở: đường T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Chìa Quốc T – Là chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh S (theo văn bản ủy quyền ngày 19/10/2020 – có mặt).

Địa chỉ: đường H, khóm 1, phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc D (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: đường N, khóm 4, phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2020 của Ngân hàng Thương mại cổ phần B, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Chà Quốc T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Trúc D với Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh S có ký hợp đồng tín dụng số HDTD880201701363 ngày 11/12/2017, vay 90.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, phương thức cho vay: cho vay từng lần; kỳ hạn trả gốc chia làm 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.500.000 đồng cố định ngày 10 hàng tháng, kỳ cuối trả số tiền còn lại vào ngày hợp đồng tín dụng hết hạn, ngày trả nợ đầu tiên 10/01/2018, ngày trả nợ cuối cùng ngày 13/12/2022; kỳ hạn trả nợ lãi vào ngày 10 cùng với tiền gốc, lãi vay tính theo dư nợ thực tế; mục đích vay: mua sắm đồ gia dụng; lãi suất 12,50%/năm, được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày và được dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng theo quy định tại hợp đồng; lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/năm.

Phương thức điều chỉnh lãi suất: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ theo quy định Ngân hàng được xác định: $LS_{CV} = LS_{TK\ 13\ tháng} + \text{Margin}$ (trong đó: LS_{CV} : là lãi suất cho vay áp dụng đối với khách hàng; Margin: là biên độ lãi suất cho vay khách hàng; $LS_{TK\ 13\ tháng}$: lãi suất huy động tiết kiệm thường cao nhất kỳ hạn 13 tháng, lãi trả cuối kỳ của LienVietPostBank dành cho khách hàng cá nhân tại thời điểm áp dụng/điều chỉnh lãi suất).

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Trúc D đã trả được tổng số tiền 23.666.500 đồng, gồm 15.000.050 đồng tiền gốc và 8.666.450 đồng tiền lãi, nay bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng bà D không thực hiện việc trả nợ từ ngày 10/11/2018, tổng số tiền tính đến ngày 23/6/2021 với tổng số tiền là 108.343.817 đồng, gồm 74.999.950 đồng gốc và 33.343.867 đồng lãi (trong đó: lãi trong hạn là 17.718.919 đồng, lãi quá hạn là 12.898.412 đồng và lãi lãi chậm trả là 2.726.536 đồng).

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần B yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Trúc D trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền nợ tính đến

ngày 23/6/2021 với tổng số tiền là 108.343.817 đồng, gồm 74.999.950 đồng tiền vốn và 33.343.867 đồng tiền lãi (trong đó: lãi trong hạn là 17.718.919 đồng, lãi quá hạn là 12.898.412 đồng và lãi lãi chậm trả là 2.726.536 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là bà Nguyễn Thị Trúc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bà D không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bà D để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bà Nguyễn Thị Trúc D đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Trúc D đã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng số HDTD880201701363 ngày 11/12/2017: Ngân hàng Thương mại cổ phần B ủy quyền cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh S ký kết hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị Trúc D. Các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Các đương

sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc nên nội dung hợp đồng là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn, lãi là 108.343.817 đồng. Thấy rằng, tại Hợp đồng tín dụng số HDTD880201701363 ngày 11/12/2017 thì phía Ngân hàng với bà D thỏa thuận số tiền bà D vay của Ngân hàng là 90.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, phương thức cho vay: cho vay từng lần; kỳ hạn trả gốc chia làm 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.500.000 đồng cố định ngày 10 hàng tháng, kỳ cuối trả số tiền còn lại vào ngày hợp đồng tín dụng hết hạn, ngày trả nợ đầu tiên 10/01/2018, ngày trả nợ cuối cùng ngày 13/12/2022; kỳ hạn trả nợ lãi được trả vào ngày 10 cùng với tiền gốc, lãi vay tính theo dư nợ thực tế; mục đích vay: mua sắm đồ gia dụng; lãi suất 12,50%/năm được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày và được dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng theo quy định tại hợp đồng; lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/năm.

Theo hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 880201701363/001 ngày 14/12/2017 thì phía Ngân hàng đã giải ngân cho bà D nhận số tiền vay là 90.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình vay vốn bà D không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả tiền vốn theo hợp đồng đã ký, bà D chỉ trả được tổng số tiền 23.666.500 đồng (gồm 15.000.050 đồng tiền gốc và 8.666.450 đồng tiền lãi). Do bà D vi phạm nghĩa vụ trả vốn và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên phía Ngân hàng yêu cầu buộc bà D phải trả lại toàn bộ số tiền vay còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Do bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án, không có nộp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ khẳng định: Bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tính đến ngày 23/6/2021 là 108.343.817 đồng.

[5] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 24/6/2021 đến khi bà D trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu. Bà Nguyễn Thị Trúc D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Trúc D trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền vốn còn nợ là 74.999.950 đồng và tiền lãi tính đến ngày 23/6/2021 là 33.343.867 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 108.343.817 đồng.

Kể từ ngày 24/6/2021, bà Nguyễn Thị Trúc D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD880201701363 ngày 11/12/2017 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 880201701363/001 ngày 14/12/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Trúc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.417.191 đồng.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.389.800 đồng theo biên lai số 0004914 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày

tuyên án. Bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP S;
- Chi cục THADS TP S;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phước Tài